TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 493/2024/HS-PT
Ngày 21/6/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tuyển;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Phan Nam;

Ông Bùi Anh Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Cảnh Duy – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Huy Hoàng - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 21 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 1235a/2023/TLPT-HS ngày 01 tháng 11 năm 2023 đối với bị cáo Nguyễn Duy Đ, do có kháng cáo của bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 84/2023/HS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo:

Nguyễn Duy Đ, sinh ngày 03/12/1986; nơi đăng ký HKTT: Thôn L, xã L, huyện Y, tỉnh Hưng Yên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Duy Q, sinh năm 1959 và bà Lê Thị P, sinh năm 1964; có vợ là Vũ Thị Q1, sinh năm 1986 và 03 con, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 14/02/2023 đến nay; Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam - Công an tỉnh P. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Hoàng Ngọc Thanh B – Văn phòng L4, Đoàn Luật sư thành phố H. Có mặt.

**** Người bị hại:***

1. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1957; Địa chỉ: Khu A, phường N, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1956; Địa chỉ: Khu A, phường N, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo:***

1. Anh Nguyễn Viết L, sinh năm 1979; Địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện H, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

2. Anh Hà Xuân T1, sinh năm 1986; Địa chỉ: Khu F, phường N, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

3. Chị Nguyễn Thị Tố L1, sinh năm 1990; Địa chỉ: Khu F, phường N, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

4. Ngân hàng N – Chi nhánh tỉnh P.

Địa chỉ: Khu B, phường N, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trịnh Văn S – Giám đốc chi nhánh

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trịnh Văn S: Ông Hà Trường S1 – Phó giám đốc chi nhánh. Có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo và không liên quan đến kháng cáo, Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 01/2021, Nguyễn Duy Đ là giáo viên trường tiểu học L5, huyện Y, tỉnh Hưng Yên. Thông qua việc mua bán cây hoa lan, Đ có quen biết với chị Nguyễn Thị Lan P1 và thường xuyên đến nhà bố mẹ đẻ chị P1 là ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị X để chơi.

Khoảng cuối tháng 9/2020 đến đầu năm 2021, Đ nhiều lần mua cây hoa lan phi điệp đột biến của chị Nguyễn Thị L2, ở thôn T, xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc với tổng số tiền 8.500.000.000 đồng rồi bán cho người khác để kiếm lời nhưng đều bị sai cây (không đúng cây theo thỏa thuận) nên Đ phải đền bù cho những người mua lan của Đ và không được chị L2 đền bù lại nên dẫn đến mất khả năng thanh toán. Trong số đó có anh Nguyễn Viết L mua của Đ cây lan "Hồng Yên T2" bị sai cây và yêu cầu Đ phải đền bù cho anh L với giá 1.025.000.000 đồng, nếu không sẽ gửi đơn đến trường Đ làm việc và Cơ quan pháp luật. Đ rất lo sợ nên đã nghĩ cách để trả tiền cho anh L.

Tháng 8/2021, thông qua chị P1 thì Đ biết vợ chồng ông T, bà X muốn bán mảnh đất diện tích 81m^2 đất, thửa số 1519, tờ bản đồ số 11, địa chỉ tại khu đô thị M, phường M, thành phố V, tỉnh Phú Thọ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DA 021425 do UBND thành phố V cấp cho ông T, bà X ngày 13/7/2012. Đ nảy sinh ý định chiếm đoạt ô đất này của ông T, bà X. Đ gọi điện cho anh L nói là bố mẹ một người bạn muốn bán thửa đất với giá 1,8 tỷ đồng, anh L yêu cầu Đ cho xem đất, do không biết vị trí ô đất nên Đ đã chỉ sai vị trí thửa đất. Anh L xem xong thì đồng ý mua. Khi về nhà ông T, bà X thì Đ nói đã tìm được khách ở Hà Nội muốn mua thửa đất của ông bà với giá 1,8 tỷ đồng (Đ không nói rõ là ai, ở đâu). Vợ chồng ông T, bà X thấy giá cao nên đồng ý để Đ bán hộ nhưng không

đồng ý cho Đ nhận tiền hộ. Thực chất, Đ và L thống nhất giá bán ô đất trên là 1,6 tỷ đồng, gán nợ cho anh L số tiền 1 tỷ đồng, còn anh L thanh toán cho Đ 600.000.000 đồng. Số tiền này, Đ dự định sẽ đem về đưa cho ông T, bà X nói là tiền đặt cọc đất để ông T, bà X không nghi ngờ gì, rồi chờ vụ việc Đ tố cáo chị L2 ở Vĩnh Phúc được trả tiền, Đ sẽ đưa đủ tiền bán đất cho ông T, bà X.

Ngày 27/8/2021, Đ mượn xe ô tô BKS: 19A-256.58 của chị P1 đưa ông T, bà X đến Văn phòng C có địa chỉ tại: số B Đại lộ H, phường N, thành phố V, tỉnh Phú Thọ để làm Hợp đồng công chứng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Tại đây, Đ gặp anh Nguyễn Hoàng L3 là cán bộ Văn phòng C, đề nghị anh L3 làm thủ tục chuyển nhượng đất cho ông T, bà X. Ông T, bà X đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giấy tờ liên quan để anh L3 làm Hợp đồng chuyển nhượng, anh L3 yêu cầu Đ liên hệ với anh L chụp ảnh giấy tờ có liên quan gửi qua zalo để lấy thông tin ghi vào Hợp đồng chuyển nhượng. Sau đó, ông T, bà X ký vào hợp đồng chuyển nhượng trước sự chứng kiến của Công chứng viên Trần Thị M, còn bên mua là vợ chồng anh L, chị Y không có mặt ở đó. Ông T, bà X có hỏi Đ về việc chuyển nhượng đất và tiền bán đất thì Đ lấy lý do dịch bệnh Covid-19, người mua không sang ký hợp đồng chuyển nhượng được và cũng chưa lấy được tiền. Đ đưa ông T, bà X về nhà rồi cùng anh L3 đem Hợp đồng chuyển nhượng và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sang cầu V gặp anh Nguyễn Viết L. Anh L ký tên vào bên mua rồi ký giả chữ ký của vợ là chị Ngô Thị Y1. Tại đây, Đ yêu cầu anh L viết giấy biên nhận về việc đã nhận đủ số tiền 1 tỷ đồng của Đ, cam kết không khiếu kiện về sau. Đ yêu cầu anh L trả số tiền chênh lệch bán đất là 600.000.000 đồng nhưng anh L nói không có tiền và cam kết sẽ có trách nhiệm trả thay cho Đ khoản tiền đền bù sai cây hoa lan mà Đ bán cho bạn của anh L là anh A (Đ không biết tên họ, địa chỉ của anh A), số tiền: 100.000.000 đồng; trả cho anh Hà Văn K (bạn của anh L, đang công tác tại B1) số tiền 500.000.000 đồng. Việc gán nợ thay này, anh L đã gọi điện cho anh A và anh K trước mặt Đ. Do đó, Đ không lấy được tiền bán đất. Còn anh Nguyễn Viết L khẳng định đã đưa đủ tiền mua đất cho Đ, giấy cam kết anh L viết ngày 27/8/2021 đã nhận 01 tỷ đồng của Đ để trả tiền hoa lan, không liên quan đến việc mua bán đất.

Ngày 20/11/2021, anh L đã làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất từ tên ông T, bà X sang tên vợ chồng anh L, chị Y1. Ngày 03/6/2022, anh L, chị Y1 chuyển nhượng thửa đất trên cho vợ chồng anh Hà Xuân T1, chị Nguyễn Thị Tố L1 với giá 1,9 tỷ đồng. Anh T1 sau khi làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất đã dùng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này thế chấp Ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay của vợ chồng anh T1, chị L1.

Cơ quan điều tra đã tiến hành định giá tài sản đối với ô đất nêu trên. Tại Kết luận định giá tài sản số 36/KL-HĐĐGTS ngày 17/01/2023 của Hội đồng định giá tài sản của UBND thành phố V, định giá ô đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DA021425 do UBND thành phố V cấp ngày 13/7/2012 mang tên ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị X tại thửa đất số 1519, tờ bản đồ số 11, diện tích 81m^2, địa chỉ: khu đô thị M, phường M, thành phố V, tỉnh Phú Thọ có giá: 972.000.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 84/2023/HS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã quyết định:

Căn cứ: điểm a khoản 4 Điều 174; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Duy Đ 15 (Mười lăm) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Thời hạn tù được tính từ ngày bắt tạm giam 14/02/2023.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 163; khoản 2 Điều 164 của Bộ luật Dân sự.

Buộc ông Nguyễn Viết L, bà Ngô Thị Y1 và Ngân hàng N chi nhánh tỉnh P trả lại cho ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị X quyền sử dụng diện tích đất 81m^2 tại thửa đất số 1519, tờ bản đồ 11, địa chỉ thửa đất tại khu Đô thị M, phường M, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Ông T và bà X có nghĩa vụ yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố V cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên và ông T, bà X có nghĩa vụ nộp lệ phí cấp GCNQSDĐ theo quy định của pháp luật.

Hủy hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ quyền sử dụng đất ngày 27/8/2021 tại Văn phòng C giữa bên chuyển nhượng là ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị X và ông Nguyễn Viết L, bà Ngô Thị Y1 đối với thửa đất số 1519, tờ bản đố 11, địa chỉ thửa đất tại khu Đô thị M, phường M, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 802066 của thửa đất số 1519, tờ bản đố 11 tại khu Đô thị M, phường M, thành phố V, tỉnh Phú Thọ do Ủy ban nhân dân thành phố V cấp ngày 29/11/2021 cho ông Nguyễn Viết L và bà Ngô Thị Y1.

Hủy hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ quyền sử dụng đất ngày 03/6/2022 tại Văn phòng C giữa bên chuyển nhượng là ông Nguyễn Viết L, bà Ngô Thị Y1 với ông Hà Xuân T1, bà Nguyễn Thị Tố L1 đối với thửa đất số 1519, tờ bản đố 11 tại khu Đô thị M, phường M, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DE593373 của thửa đất số 1519, tờ bản đố 11, địa chỉ thửa đất tại khu Đô thị M, phường M, thành phố V, tỉnh Phú Thọ do Ủy ban nhân dân thành phố V cấp ngày 16/6/2022 cho ông Hà Xuân T1 và bà Nguyễn Thị Tố L1.

Hủy Hợp đồng thế chấp số 2700LCL202200 318/HĐTC ngày 21/62022 giữa bên thế chấp là ông Hà Xuân T1 bà Nguyễn Thị L1 và bên nhận thế chấp là ngân hàng N chi nhánh tỉnh P, tài sản thế chấp là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DE 593373 của thửa đất số 1519, tờ bản đố 11, địa chỉ thửa đất tại khu Đô thị M, phường M, thành phố V, tỉnh Phú Thọ do Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh Phú Thọ cấp ngày 16/6/2022 cho ông Hà Xuân T1 và bà Nguyễn Thị Tố L1.

Đối với nghĩa vụ dân sự giữa bị cáo Nguyễn Duy Đ với ông Nguyễn Viết L và bà Ngô Thị Y1; nghĩa vụ dân sự giữa ông Nguyễn Viết L, bà Ngô Thị Y1 với ông Hà Xuân T1, bà Nguyễn Thị Tố L1; nghĩa vụ dân sự giữa ông Hà Xuân

T1 bà Nguyễn Thị Tố L1 với ngân hàng N chi nhánh P nếu có tranh chấp thì giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, nghĩa vụ thi hành án và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26/9/2023, bị cáo Nguyễn Duy Đ có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 29/9/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Hà Xuân T1, chị Nguyễn Thị Tố L1 có đơn kháng cáo về phần trách nhiệm dân sự.

Ngày 02/10/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng N có đơn kháng cáo về phần trách nhiệm dân sự.

Ngày 16/10/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Viết L có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Nguyễn Viết L theo quy định pháp luật.

Ngày 27/10/2023, bị cáo Nguyễn Duy Đ có đơn xin rút toàn bộ nội dung kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Duy Đ thành khẩn khai báo hành vi phạm tội, tỏ ra ăn năn hối cải và xin rút toàn bộ nội dung kháng cáo xin giảm hình phạt như nội dung tại đơn xin rút kháng cáo đề ngày 27/10/2023 của bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Viết L vắng mặt; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hà Xuân T1, bà Nguyễn Thị Tố L1 giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử hủy một phần bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm dân sự để xét xử lại theo hướng công nhận hiệu lực của hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 03/6/2022 tại Văn phòng C giữa bên chuyển nhượng là ông Nguyễn Viết L, bà Ngô Thị Y1 với ông Hà Xuân T1, bà Nguyễn Thị Tố L1 đối với thửa đất số 1519, tờ bản đố 11 tại khu Đô thị M, phường M, thành phố V, tỉnh Phú Thọ; giữ nguyên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DE593373 của thửa đất số 1519, tờ bản đố 11, địa chỉ thửa đất tại khu Đô thị M, phường M, thành phố V, tỉnh Phú Thọ do Ủy ban nhân dân thành phố V cấp ngày 16/6/2022 cho ông Hà Xuân T1 và bà Nguyễn Thị Tố L1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng N giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử hủy một phần bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm dân sự để xét xử lại theo hướng công nhận hiệu lực của Hợp đồng thế chấp số 2700LCL202200 318/HĐTC ngày 21/6/2022 giữa bên thế chấp là ông Hà Xuân T1 bà Nguyễn Thị L1 và bên nhận thế chấp là ngân hàng N chi nhánh tỉnh P, tài sản thế chấp là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DE 593373 của thửa đất số 1519, tờ bản đố 11, địa chỉ thửa đất tại khu Đô thị M, phường M, thành phố V, tỉnh Phú Thọ do Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh Phú Thọ cấp ngày 16/6/2022 cho ông Hà Xuân T1 và bà Nguyễn Thị Tố L1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Duy Đ về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật; tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo xin rút toàn bộ nội dung kháng cáo. Căn cứ Điều 348 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Nguyễn Duy Đ. Về phần trách nhiệm dân sự, có cơ sở để chấp nhận một phần kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy một phần bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm dân sự và án phí dân sự sơ thẩm, trả hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1]. Lời khai của bị cáo Nguyễn Duy Đ tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng; phù hợp với Kết luận định giá tài sản, các vật chứng thu giữ cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để kết luận:

Từ khoảng cuối tháng 9/2020 đến đầu năm 2021, Nguyễn Duy Đ buôn bán cây hoa lan phi điệp đột biến thua lỗ, phải đền bù cho những người mua lan trong đó có anh Nguyễn Viết L nên mất khả năng thanh toán. Do lo sợ anh Nguyễn Viết L tố cáo, nên đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền bán thửa đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị X để gán nợ. Nguyễn Duy Đ dùng thủ đoạn gian dối, nói với ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị X là đã tìm được người mua đất với giá 1.800.000.000 đồng. Do tin tưởng Đ, và thấy mức giá cao, ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị X đồng ý cho Đ bán hộ ô đất. Sau khi lừa được ông bà Thọ X1 ký vào hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, Đ trao đổi với anh L giá của ô đất là 1.600.000.000 đồng, gán nợ cho anh L với giá 1.000.000.000 đồng, số tiền còn lại Đ được anh L cam kết sẽ có trách nhiệm trả thay cho Đ khoản tiền đền bù sai cây hoa lan mà Đ bán cho bạn của anh L là anh A (Đ không biết tên họ, địa chỉ của anh A), số tiền 100.000.000 đồng; trả cho anh Hà Văn K (bạn của anh L, đang công tác tại B1) số tiền 500.000.000 đồng. Việc gán nợ thay này, anh L đã gọi điện cho anh A và anh K trước mặt Đ, Đ không có ý kiến gì, sau đó, Đ không trả tiền bán đất cho ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị X.

Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử bị cáo Nguyễn Duy Đ về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Duy Đ tự nguyện rút toàn bộ nội dung kháng cáo xin giảm hình phạt như nội dung đơn xin rút đơn kháng cáo của bị cáo đề ngày 27/10/2023, căn cứ quy định tại Điều 348 Bộ luật Tố tụng hình sự, HĐXX đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Nguyễn Duy Đ.

Đối với ý kiến của người bào chữa cho bị cáo đề nghị bị cáo phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản", HĐXX thấy căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo Nguyễn Duy Đ tại phiên tòa phúc thẩm, có đủ cơ sở khẳng định bị cáo có ý định chiếm đoạt tiền bán đất của vợ chồng ông T, bà X từ trước để gán nợ cho anh L, thể hiện qua việc bị cáo nói với ông bà Thọ X1 về việc đã tìm được khách ở Hà Nội muốn mua thửa đất của ông bà với giá 1.800.000.000 đồng. Sau đó, Đ đã lừa dối cả ông T, bà X1 để ông T, bà X1 ký hợp đồng mua bán với anh L, sau đó gán nợ số tiền là 1.000.000.000 đồng cho anh L, gây thiệt hại cho gia đình ông bà T, X1 tiền bán thửa đất. Vì vậy, ý kiến của người bào chữa cho bị cáo là không có cơ sở chấp nhận; HĐXX phúc thẩm đồng thời xác định lại tư cách tham gia tố tụng trong vụ án, theo đó cần xác định bị hại là ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị X là bị hại; anh Nguyễn Viết L, chị Ngô Thị Y1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2]. Xét phạm vi kháng cáo của anh Nguyễn Viết L: Như đã phân tích ở trên, do anh Nguyễn Viết L là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án nên mặc dù anh Nguyễn Viết L kháng cáo toàn bộ bản án nhưng HĐXX phúc thẩm xác định phạm vi kháng cáo của anh L không bao gồm kháng cáo về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Duy Đ. Theo quy định tại khoản 4 Điều 331 Bộ luật Tố tụng hình sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chỉ có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi của họ, do đó, anh Nguyễn Viết L chỉ có quyền kháng cáo về phần trách nhiệm dân sự liên quan đến quyền lợi của anh. Mặt khác, căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, hậu quả của vụ án, đánh giá khách quan, toàn diện vụ án thì mức hình phạt 15 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo Nguyễn Duy Đ là tương xứng, phù hợp quy định pháp luật. Do bị cáo Nguyễn Duy Đ cũng đã rút kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nên HĐXX phúc thẩm không xem xét, giải quyết về phần hình phạt đối với bị cáo.

[3]. Xét kháng cáo về phần trách nhiệm dân sự của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Viết L, anh Hà Xuân T1, chị Nguyễn Thị Tố L1, Ngân hàng N - Chi nhánh tỉnh P, HĐXX thấy:

[3.1]. Sau khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị X theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 27/8/2021 tại Văn phòng C, anh Nguyễn Viết L, chị Ngô Thị Y1 đã làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất và được Ủy ban nhân dân thành phố V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DB 802066 ngày 29/11/2021.

Sau đó, anh Nguyễn Viết L, chị Ngô Thị Y1 chuyển nhượng lại quyền sử dụng đất cho anh Hà Xuân T1, chị Nguyễn Thị Tố L1 theo Hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ quyền sử dụng đất ngày 03/6/2022 tại Văn phòng C. Anh Hà Xuân T1, chị Nguyễn Thị Tố L1 đã tiếp tục làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất và được Ủy ban nhân dân thành phố V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DE 593373 ngày 16/6/2022.

Ngày 21/6/2022, anh Hà Xuân T1, chị Nguyễn Thị Tố L1 làm thủ tục thế chấp quyền sử dụng đất cho Ngân hàng N - chi nhánh tỉnh P theo Hợp đồng thế

chấp số 2700LCL202200 318/HĐTC.

Căn cứ vào lời khai của bị cáo cũng như trình bày của ông T, bà X trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, có cơ sở xác định trong vụ án này, tài sản bị chiếm đoạt là tiền bán thửa đất mà không phải là quyền sử dụng diện tích 81m^2 đất của ông T, bà X. Việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định tài sản bị chiếm đoạt là quyền sử dụng đất, từ đó hủy toàn bộ các Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được ký kết giữa ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị X và anh Nguyễn Viết L, chị Ngô Thị Y1; giữa anh Nguyễn Viết L, chị Ngô Thị Y1 và anh Hà Xuân T1, chị Nguyễn Thị Tố L1; hủy toàn bộ các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho anh Nguyễn Viết L, chị Ngô Thị Y1 và anh Hà Xuân T1, chị Nguyễn Thị Tố L1; hủy toàn bộ Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất được ký kết giữa anh Hà Xuân T1, chị Nguyễn Thị Tố L1 và Ngân hàng N - chi nhánh tỉnh P để trả lại quyền sử dụng đất cho ông T, bà X là không phù hợp quy định pháp luật.

[3.2]. Trong vụ án này, cũng cần phải xem xét đến sự ngay tình của anh Hà Xuân T1, chị Nguyễn Thị Tố L1 và Ngân hàng N - chi nhánh tỉnh P để bảo vệ quyền lợi của người thứ ba ngay tình theo quy định tại khoản 2 Điều 133 Bộ luật Dân sự năm 2015: *"2. Trường hợp giao dịch dân sự vô hiệu nhưng tài sản đã được đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, sau đó được chuyển giao bằng một giao dịch dân sự khác cho người thứ ba ngay tình và người này căn cứ vào việc đăng ký đó mà xác lập, thực hiện giao dịch thì giao dịch đó không bị vô hiệu.*

Trường hợp tài sản phải đăng ký mà chưa được đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì giao dịch dân sự với người thứ ba bị vô hiệu, trừ trường hợp người thứ ba ngay tình nhận được tài sản này thông qua bán đấu giá tại tổ chức có thẩm quyền hoặc giao dịch với người mà theo bản án, quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền là chủ sở hữu tài sản nhưng sau đó chủ thể này không phải là chủ sở hữu tài sản do bản án, quyết định bị hủy, sửa".

Cũng theo quy định tại khoản 3 Điều 133 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì: "3. *Chủ sở hữu không có quyền đòi lại tài sản từ người thứ ba ngay tình, nếu giao dịch dân sự với người này không bị vô hiệu theo quy định tại khoản 2 Điều này nhưng có quyền khởi kiện, yêu cầu chủ thể có lỗi dẫn đến việc giao dịch được xác lập với người thứ ba phải hoàn trả những chi phí hợp lý và bồi thường thiệt hại".*

Vì vậy, cần thiết phải xác định có người thứ ba ngay tình trong vụ án hay không để làm căn cứ xác định Hợp đồng được ký kết với người đó bị vô hiệu hay không, từ đó giải quyết hậu quả của việc tuyên Hợp đồng vô hiệu hay không bị vô hiệu theo quy định tại các điều luật được trích dẫn như đã nêu ở trên.

[3.3]. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm sau khi hủy các văn bản nêu trên đã đồng thời tách nghĩa vụ dân sự giữa bị cáo Nguyễn Duy Đ với ông Nguyễn Viết L và bà Ngô Thị Y1; nghĩa vụ dân sự giữa ông Nguyễn Viết L, bà Ngô Thị Y1 với ông Hà Xuân T1, bà Nguyễn Thị Tố L1; nghĩa vụ dân sự giữa ông Hà Xuân T1 bà Nguyễn Thị Tố L1 với ngân hàng N chi nhánh P nếu có tranh chấp thì giải quyết bằng vụ án dân sự khác là không đảm bảo việc giải quyết vụ án được khách

quan, toàn diện, triệt để. Trong trường hợp này, Tòa án cấp sơ thẩm cần đồng thời xem xét, giải quyết về phần trách nhiệm dân sự của người tham gia tố tụng.

Quá trình xem xét, giải quyết về phần trách nhiệm dân sự của vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm cũng cần thu thập tài liệu, chứng cứ chứng minh giá trị của Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được ký kết giữa anh Nguyễn Viết L, chị Ngô Thị Y1 và anh Hà Xuân T1, chị Nguyễn Thị Tố L1 là bao nhiêu, các bên đã thanh toán cho nhau bao nhiêu tiền để làm căn cứ giải quyết vụ án được toàn diện, bởi lẽ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện, anh Nguyễn Viết L, chị Ngô Thị Y1 khai chuyển nhượng quyền sử dụng đất với giá 1.900.000.000 đồng, nhưng anh Hà Xuân T1, chị Nguyễn Thị Tố L1 lại khai không nhớ giá trị chuyển nhượng là bao nhiêu. Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được ký kết giữa anh L, chị Y1 và anh T1, chị L1 thể hiện giá trị chuyển nhượng là 1.200.000.000 đồng.

[3.4]. Ngoài ra, về án phí sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm không buộc bị cáo phải bồi thường nhưng lại buộc bị cáo phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên giá trị bồi thường là 1.600.000.000 đồng là không phù hợp quy định pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm cũng xác định sai tư cách tham gia tố tụng của người tham gia tố tụng, ban đầu xác định bị hại là anh Nguyễn Viết L, chị Ngô Thị Y1; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị X nhưng sau khi xét xử sơ thẩm lại đính chính bản án sơ thẩm, xác định lại tư cách tham gia tố tụng của những người tham gia tố tụng nêu trên làm ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ trong quá trình giải quyết vụ án.

[3.5]. Kết quả định giá quyền sử dụng đất theo Kết luận định giá tài sản là đơn giá của Ủy ban nhân dân tỉnh P được điều chỉnh theo Quyết định số 27/2021/QĐ-UBND ngày 21/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh P. Theo đó, giá trị quyền sử dụng đất của ông T, bà X là 12.000.000 đồng / m^2, thấp hơn giá trị chuyển nhượng thực tế theo Các Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được ký kết giữa ông T, bà X với anh L, chị Y1 và giữa anh L, chị Y1 và anh T1, chị L1. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm cần xem xét thận trọng về giá trị quyền sử dụng đất để đảm bảo quyền lợi của những người tham gia tố tụng khi giải quyết hậu quả của việc xác định các Hợp đồng vô hiệu hay không vô hiệu.

[3.6]. Quá trình giải quyết lại vụ án về phần trách nhiệm dân sự, Tòa án cấp sơ thẩm cần làm rõ ý chí, mục đích của ông T, bà X trong việc ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất để từ đó xem xét yêu cầu bị cáo trả lại giá trị quyền sử dụng đất theo thỏa thuận bán đất thời điểm năm 2021 hay đề nghị được trả lại đất. Bởi lời khai của ông T, bà X trong quá trình giải quyết vụ án là không thống nhất giữa ghi nhận của Tòa án cấp sơ thẩm tại Bản án sơ thẩm và tại Biên bản phiên tòa sơ thẩm. Tại đơn tố cáo đề ngày 02/11/2022, ông T, bà X còn đề nghị ngoài việc yêu cầu bị cáo trả lại đất còn yêu cầu bị cáo bồi thường khoản tiền lãi suất Ngân hàng mà ông T, bà X đã vay để mua mảnh đất.

[4]. Từ những phân tích, nhận định nêu trên, HĐXX thấy việc điều tra, thu thập chứng cứ và chứng minh cũng như nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm về phần trách nhiệm dân sự của vụ án chưa được thực hiện đầy đủ mà tại phiên tòa

phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được. Bản án sơ thẩm có sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật nhưng không thuộc trường hợp Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Hình sự. Cần thiết phải hủy một phần bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm dân sự và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm nhằm giải quyết vụ án được khách quan, toàn diện.

[5] Về án phí: Do hủy một phần bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm dân sự nên người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Viết L, anh Hà Xuân T1, chị Nguyễn Thị Tố L1, Ngân hàng N - Chi nhánh tỉnh P không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm sẽ được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 348; điểm c khoản 1 Điều 355, Điều 358 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Nguyễn Duy Đ. Bản án Hình sự sơ thẩm số 84/2023/HS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ về hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Duy Đ có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; Điều 38 của Bộ luật hình sự; Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Duy Đ 15 (Mười lăm) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Thời hạn tù được tính từ ngày bắt tạm giam 14/02/2023.

2. Chấp nhận một phần kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là là anh Nguyễn Viết L, anh Hà Xuân T1, chị Nguyễn Thị Tố L1, Ngân hàng N - Chi nhánh tỉnh P; hủy một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 84/2023/HS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ về phần trách nhiệm dân sự và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ giải quyết lại vụ án về phần trách nhiệm dân sự và án phí dân sự sơ thẩm theo thủ tục sơ thẩm.

3. Về án phí: Anh Hà Xuân T1, chị Nguyễn Thị Tố L1, anh Nguyễn Viết L, Ngân hàng N - Chi nhánh tỉnh P không phải chịu án phí phúc thẩm. Trả lại cho anh Hà Xuân T1, chị Nguyễn Thị Tố L1, anh Nguyễn Viết L, Ngân hàng N - Chi nhánh tỉnh P số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm mỗi người đã nộp lần lượt tại các Biên lai số 0000046; 0000047; 0000048; 0000049 cùng ngày 03/11/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

Nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm sẽ được xác định lại khi giải quyết lại

vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Vụ GĐKT I – TANDTC;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Cục THADS tỉnh Phú Thọ;
- Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Phú Thọ;
- Trại tạm giam - Công an tỉnh Phú Thọ;
- Bị cáo (qua TTG);
- Người tham gia tố tụng khác (theo đ.c);
- Lưu: P. HCTP, HSVA.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Văn Tuyển